

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
Bản án số: 28 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 07/05/2025
"V/v Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên.

Hội thẩm nhân dân:

[1] Ông Trần Đức Hòa.

[2] Bà Trần Thị Chín.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 05 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 151/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 18 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Văn Ph E; sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã T , huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ph Q; sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã T , huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/09/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Cao Văn Ph E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001 Tôi và cô Nguyễn Thị Ph Q sống chung với nhau và có Đăng ký kết hôn số: 95, Quyền số 1/2006, ngày 19/06/2006 tại UBND xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, việc chúng tôi kết hôn là tự nguyện, đúng pháp luật.

Quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống và cách sống khác nhau, đến năm 2023 cô Quyên bỏ nhà đi cho đến nay, không biết ở đâu, chúng tôi không còn quan tâm đến nhau nữa, hạnh phúc gia đình không có, vì vậy tôi xin được ly hôn với cô Quyên.

Về con chung: Cao Văn M; sinh năm 2005 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ph Q mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Cao Văn Ph E có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Ph Q, nay anh Cao Văn Ph E xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo Khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào Điểm a, Khoản 1, Điều 35, Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng, anh Cao Văn Ph E và chị Nguyễn Thị Ph Q tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Cao Văn Ph E và chị Nguyễn Thị Ph Q là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Cao Văn Ph E và chị Nguyễn Thị Ph Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, bị đơn chị Nguyễn Thị Ph Q mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Cao Văn Ph E được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph Q.

[4]. Về con chung, Cao Văn M; sinh năm 2005 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Cao Văn Ph E nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, anh Cao Văn Ph E được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph Q.

[2]. Về con chung, Cao Văn M; sinh năm 2005 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Cao Văn Ph E nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009364 ngày 09/10/2024 (đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên